

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 6345/08-25

Mã mẫu: 2508KT018-2508KT019 (011/08-25) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH DE HEUS – CHI NHÁNH VĨNH LONG 4
Địa chỉ lấy mẫu : Khu 4, tuyến công nghiệp Cỏ Chiên, ấp Sơn Đông, Phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long
Ngày lấy (nhận) mẫu : 04/08/2025 **Ngày trả kết quả**: 11/08/2025
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Khí thải công nghiệp
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : **KT3** Ống thoát 2 (Ống thoát hệ thống xử lý bụi công đoạn nghiền mịn của chuyên 1)
Tọa độ: X=1134095 ; Y=556240
: **KT4** Ống thoát 3 (Ống thoát hệ thống xử lý bụi công đoạn nghiền mịn của chuyên 2)
Tọa độ: X=1134087 ; Y=556238

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả		QCVN 19:2009/BTNMT Cột B (Kp=0,9 ; Kv=1)
				KT3	KT4	
1	Lưu lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 02	6.460	6.754	-
2	Nhiệt độ ^(a)	°C	SOP-HT.KT 06	42,0	44,0	-
3	Áp suất ^(a)	mBar	SOP-HT.KT 05	1010,1	1009,9	-
4	Bụi tổng (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	128,2	135,1	180
5	NH ₃ ^(a)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH MDL=1,0	KPH MDL=1,0	45
6	H ₂ S ^(a)	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	KPH MDL=1,0	KPH MDL=1,0	6,75

Ghi chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận
(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận
(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 6344/08-25

Mã mẫu: 2508KT017 (011/08-25) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH DE HEUS – CHI NHÁNH VĨNH LONG 4
Địa chỉ lấy mẫu : Khu 4, tuyến công nghiệp Cổ Chiên, ấp Sơn Đông, Phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long
Ngày lấy (nhận) mẫu : 04/08/2025 **Ngày trả kết quả:** 11/08/2025
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Khí thải công nghiệp
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : KT2 Ống thoát 1 (Ống thoát hệ thống xử lý bụi công đoạn nghiền sơ bộ)
Tọa độ: X=1134087 ; Y=556211

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B (Kp=0,9 ; Kv=1)
1	Lưu lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 02	3.292	-
2	Nhiệt độ ^(a)	°C	SOP-HT.KT 06	30,0	-
3	Áp suất ^(a)	mBar	SOP-HT.KT 05	1009,9	-
4	Bụi tổng (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	28,4	180
5	NH ₃ ^(a)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH MDL=1,0	45
6	H ₂ S ^(a)	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	KPH MDL=1,0	6,75

Ghi chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận
(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận
(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 6343/08-25

Mã mẫu: 2508KT016 (011/08-25) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH DE HEUS – CHI NHÁNH VĨNH LONG 4
Địa chỉ lấy mẫu : Khu 4, tuyến công nghiệp Cỗ Chiên, ấp Sơn Đông, Phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long
Ngày lấy (nhận) mẫu : 04/08/2025 **Ngày trả kết quả:** 11/08/2025
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Khí thải công nghiệp
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : **KT1** Trong lòng ống khói lò hơi
Tọa độ: X=1134111 ; Y=556305

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B (Kp=0,9 ; Kv=1)
1	Lưu lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 02	10.762	-
2	Nhiệt độ ^(a)	°C	SOP-HT.KT 06	92,0	-
3	Áp suất ^(a)	mBar	SOP-HT.KT 05	1010,1	-
4	Bụi tổng (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	45,8	180
5	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	SOP-HT.KT 06	<3	450
6	NO _x (tính theo NO ₂) ^(a)	mg/Nm ³	SOP-HT.KT 06	26	765
7	CO ^(a)	mg/Nm ³	SOP-HT.KT 06	587	900

Ghi chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám đốc

TRUNG TÂM
MÔI TRƯỜNG VÀ
SINH THÁI
ỨNG DỤNG
HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 6342/08-25

Mã mẫu: 2508NT015 (011/08-25) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH DE HEUS – CHI NHÁNH VĨNH LONG 4
Địa chỉ lấy mẫu : Khu 4, tuyến công nghiệp Cỏ Chiên, ấp Sơn Đông, Phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long
Ngày lấy (nhận) mẫu : 04/08/2025 **Ngày trả kết quả**: 11/08/2025
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Nước trong
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NT Lấy sau hệ thống xử lý – Tọa độ: X= 1134172 ; Y= 556219

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A) (Kq=1,2 ; Kf=1,2)
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	6,44	6 – 9
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	6	72
3	BOD ₅ ^(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	7	43,2
4	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220.C:2023	13	108
5	Sulfua (S ²⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH MDL=0,03	0,288
6	Clo dư ^(a)	mg/L	SMEWW 4500.Cl.G:2023	0,21	1,44
7	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 5988:1995	2,42	7,2
8	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	10,6	28,8
9	Tổng P ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,14	5,76
10	Tổng Coliform ^(a)	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2023	170	3000

Ghi chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận
(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận
(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT.GIÁM ĐỐC

Phó Giám đốc



HOÀNG VĂN TÍN